

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày 11-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh;
- Ông Từ Văn Khánh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Ở điểm cầu trung tâm;

Ông Trần Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Ở điểm cầu thành phần.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên. Ở điểm cầu trung tâm;

Kiểm sát viên ông Đặng Ngọc Hoàng. Ở điểm cầu thành phần;

Cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát Hỗ trợ Tư pháp: Lê Trần Huy, Nguyễn Cường Quốc. Ở điểm cầu thành phần.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm đặt tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi và điểm cầu thành phần đặt tại trụ sở UBND xã Hành Tín Tây. Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HS, ngày 24 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Đình K; sinh ngày 16 tháng 8 năm 1998, tại: huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Võ V (đã chết) và bà Đình Thị Hồng T (sinh năm:

1958); là con thứ ba trong gia đình có ba anh chị em; có vợ tên Nguyễn Thị Lệ Nhi (sinh năm: 2005); có một con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/10/2019 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Nghĩa Hành khởi tố vụ án, bị can về tội cố ý gây thương tích, ngày 07/02/2020 Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành đã ra quyết định đình chỉ vụ án do bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/3/2024 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông Phan L, sinh năm: 1974. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Phạm Minh N, sinh năm: 1978. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1977; Vắng mặt, không có lý do.

2. Bà Đỗ Thị Minh T, sinh năm 1974; Vắng mặt, không có lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ông Nguyễn L, sinh năm 1960. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1954. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

5. Bà Đinh Thị Hồng T, sinh năm 1958; Vắng mặt, không có lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Ông Nguyễn T, sinh năm: 1966. Có mặt.

7. Ông Bùi Tá C, sinh năm: 1977. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Đình K, không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền tiêu xài cá nhân nên nảy sinh việc cắt trộm cau tại vườn của người dân trên địa bàn xã H, huyện Nghĩa Hành đem bán lấy tiền. Bị cáo sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 76P6-1698 mang theo 02 bao tải, 01 con dao, 01 cái nài (dụng cụ trèo cây) đến các vườn cau để cắt trộm cau của người dân, đối với các cây cau cao bị cáo sử dụng nài trèo lên cây cau, còn các cây cau thấp bị cáo đứng dưới đất dùng dao cắt buồng cau, cụ thể:

Lần 1:

Khoảng 11 giờ trưa ngày 27/11/2023, bị cáo đi bộ gần nhà, cắt trộm 04 buồng cau trong vườn của ông Nguyễn Tấn Đ và 03 buồng cau trong vườn của ông Nguyễn L (là hàng xóm với bị cáo) mang về nhà; tổng cộng được 08kg cau.

Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô đến vườn cau của ông Nguyễn T, dùng dao cắt buồng trên 48 cây cau, bỏ vào 02 bao tải, tổng cộng 70kg, đem về nhà cất. Đến khoảng 11 giờ ngày 28/11/2023, bị cáo chở số cau trộm cắp được là 78kg và 10kg cau mua trước đó với giá 200.000 đồng của bà Võ Thị H đem đến chỗ thu mua cau của bà Đỗ Thị Minh T thôn H, xã H, huyện Nghĩa Hành và bán 88kg cau với số tiền 2.050.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTTTHS ngày 06/02/2024 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Nghĩa Hành kết luận (BL: 145): tài sản 78kg cau, tính theo giá thị trường ngày 27/11/2023 là 24.000đ/kg. Giá trị của tài sản được yêu cầu định giá là 1.872.000 đồng (Một triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Lần 2:

Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 07/12/2023, bị cáo điều khiển xe mô tô đến vườn cau của ông Phan L (ở thôn Đ) để xe trên đường, đi bộ vào vườn cau rồi dùng dao cắt nhiều buồng trên 26 cây cau bỏ vào bao tải vận chuyển về nhà. Cũng phương pháp và thủ đoạn như trên, khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô đến vườn cau của ông Phạm Minh N (ở thôn P) cắt nhiều buồng trên 33 cây cau, bỏ vào bao tải vận chuyển về nhà để cùng với số cau trộm được. Tiếp đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô đến vườn cau của ông Phan L (ở thôn L) dùng dao cắt nhiều buồng trên 26 cây cau bỏ vào bao tải vận chuyển về nhà để cùng với số cau đã trộm được trước đó.

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 08/12/2023, bị cáo vận chuyển tất cả các buồng cau đã trộm cắp được đem đi bán, thì xe mô tô bị nổ lốp nên bị cáo đã gọi ông Đỗ Văn Đ (là bác vợ của bị cáo, chuyên thu mua cau) đến vận chuyển giúp. Sau khi sửa xe xong, bị cáo tiếp tục vận chuyển cau đi, khi đến khu vực Đèo Eo Gió thuộc xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành thì gặp ông Đ và ông Đ nói để vận chuyển xuống bán giúp cho; cả hai dùng cân để cân thì xác định được 116kg cau trái lớn, còn các buồng cau trái nhỏ và cau rụng nghĩ không bán được nên không cân. Sau đó, ông Đ tính tiền của 116kg cau lớn đưa cho bị cáo số tiền 2.420.000 đồng; đối với số cau nhỏ còn lại bị cáo nói với ông Đ lấy số cau này đem đi bán được thì bán; ông Đ chất cau lên xe (cộ) rồi đi còn bị cáo đi về nhà. Sau đó, ông Đ đến Tổ dân phố P, thị trấn C, huyện Nghĩa Hành mua được 24kg cau, với số tiền 430.000 đồng của ông Lê Vũ T và mua được 18kg cau với số tiền 324.000 đồng của bà Phạm Thị Túy B. Ông Đ mang tất cả số cau có được đến chỗ thu mua cau của bà Đỗ Thị Minh T thôn H, xã H, huyện Nghĩa Hành để bán. Tại đây, bà T đã lựa được 116kg cau lớn, 12 kg cau trong bao chỉ có trái cau rụng (do bị cáo cắt trộm từ vườn của ông L và ông N) và 42kg (số cau ông Đ mua của ông T và bà B). Tổng cộng bà T đã cân và mua 170kg cau với số tiền 3.650.000 đồng, trong đó 128kg là số cau bị cáo đã trộm của ông Phan L và ông Phạm Minh N, 42 kg cau là do ông Đ mua.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTTTHS ngày 06/02/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Nghĩa Hành kết luận (BL: 149): tài sản 128kg cau, tính theo giá thị trường ngày 07/12/2023 là 22.000đ/kg. Giá trị của tài sản được yêu cầu định giá là 2.816.000 đồng (hai triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng).

Lần 3: Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 12/12/2023, bị cáo điều khiển xe mô tô đến vườn cau của ông Bùi Tá C ở thôn T, xã H, huyện Nghĩa Hành, bị cáo cắt giấu xe gần đó, đi bộ đến vườn cau, quan sát thấy không có người nên sử dụng dao cắt buồng cau bỏ vào bao tải mang đến chỗ để xe mô tô rồi quay lại tiếp tục cắt được 03 buồng cau thì bị người dân phát hiện truy hô, bị cáo lẩn trốn vào trong vườn keo gần đó. Công an xã H truy tìm và phát hiện bắt giữ bị cáo, tạm giữ tang vật và công cụ, phương tiện có liên quan việc bị cáo trộm cắp cau, tổng cộng bị cáo cắt trộm trên 12 cây cau được 27kg. Công an xã H đã trả lại 27kg cau cho ông Bùi Tá C.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTTTHS ngày 31/01/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Nghĩa Hành kết luận (BL: 152): tài sản 27kg cau, tính theo giá thị trường ngày 12/12/2023 là 20.000đ/kg. Giá trị của tài sản được yêu cầu định giá là 540.000 đồng (năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập được.

Cáo trạng số 12 /CT-VKS -NH, ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành truy tố bị cáo Võ Đình K về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố trình bày luận tội; giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng đã công bố; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Đình K về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt từ 6 đến 9 tháng cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vấn đề dân sự:

Bị cáo đã bồi thường cho bị hại xong, bị hại không yêu cầu gì nên không xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và nhận tiền bồi thường xong, không yêu cầu gì nên không xét.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, không tranh luận về tội danh và mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nghĩa Hành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Tại cơ quan cảnh sát điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Võ Đình K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng trật tự - trị an tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thể hiện bằng việc lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại trong việc quản lý tài sản, đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là các buồng cau của ông Phan L và ông Phạm Minh N có giá trị 2.816.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”; do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành truy tố bị cáo tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 01 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường thiệt hại; đồng thời, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có có bà ngoại và bà nội được tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh Hùng; có mẹ được hưởng trợ cấp người hưởng chính sách như thương binh theo tỷ lệ mất sức lao động do thương tật 21% nên xem đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có 5 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 3 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51; có 2 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng; có nơi cư trú ổn định, có nhân thân tốt nên xử bị cáo với mức án thấp và không cần bắt chấp hành hình phạt tù nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội là phù hợp Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng và đồ vật tạm giữ tại Cơ quan điều tra:

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 76P6-1698, nhãn hiệu SKYWAY, màu sơn nâu. Cơ quan chức năng đã trả lại cho bà Đinh Thị Hồng T quản lý, sử dụng.

- 01 (một) con dao, dài 17cm không có mũi nhọn, lưỡi bằng kim loại bản rộng 3cm, dài 8,5cm, cán dao bằng gỗ, chỗ rộng nhất 2,5cm, chỗ hẹp nhất 2cm.

- 01 (một) bao tải màu vàng, dài 98cm, rộng 56,5cm.

- 01 (một) bao tải màu trắng, dài 119cm, rộng 58,5cm.
- 01 (một) cái nài dạng vòng tròn, đường kính 30cm, được gấp nhiều lớp từ bao cám, chỗ rộng nhất 07cm, chỗ hẹp nhất 05cm.
- 02 (hai) chiếc dép tông màu đỏ, dài 24,5cm.

[4] Trong quá trình điều tra, truy tố xác định:

- Theo lời khai của ông Phan L và ông Phạm Minh N; ông L ước tính bị cắt trộm cau khoảng 60 kg cau, ông N ước tính bị cắt trộm cau khoảng 90 kg, tổng khoảng 150 kg cau. Trên cơ sở điều tra, xác định được chính xác số cau bị cáo cắt trộm của vườn ông Phan L và ông Phạm Minh N là 128kg cau, trị giá 2.816.000 đồng (hai triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng), đối với các cau nhỏ mà bị cáo đã cắt trộm của hai vườn trên do không cân đo được, hiện tại số cau trên cũng không còn nên không có cơ sở để xác định khối lượng số cau này để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Đối với ông Đỗ Văn Đ và bà Đỗ Thị Minh T là người đã mua cau của bị cáo trộm cắp được vào ngày 07/12/2023, ông Đ và bà T hoàn toàn không biết việc số cau trên do bị cáo trộm cắp mà có. Do đó, không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Đỗ Văn Đ và bà Đỗ Thị Minh T về hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự là đúng.

- Đối với hành vi bị cáo lén lút chiếm đoạt cau vào ngày 27/11/2023 và ngày 12/12/2023, do giá trị tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng và không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Theo tinh thần của Công văn 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao (Vận dụng Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001). Do đó, Cơ quan CSĐT không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với lần trộm cắp tài sản này của bị cáo là phù hợp.

[5] Về dân sự:

Ông Phan L yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, ông Phạm Minh N yêu cầu bồi thường số tiền 1.620.000 đồng tương đương với giá trị của số cau bị cắt trộm, bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu khác về dân sự nên không xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa Cơ quan Điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt, về phần dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Võ Đình K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Võ Đình K 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11 tháng 7 năm 2024).

Giao bị cáo Võ Đình K cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Võ Đình K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng:

- 01 (một) con dao, dài 17cm không có mũi nhọn, lưỡi bằng kim loại bản rộng 3cm, dài 8,5cm, cán dao bằng gỗ, chỗ rộng nhất 2,5cm, chỗ hẹp nhất 2cm.

- 01 (một) bao tải màu vàng, dài 98cm, rộng 56,5cm.

- 01 (một) bao tải màu trắng, dài 119cm, rộng 58,5cm.

- 01 (một) cái nài dạng vòng tròn, đường kính 30cm, được gấp nhiều lớp từ bao cám, chỗ rộng nhất 07cm, chỗ hẹp nhất 05cm.

- 02 (hai) chiếc dép tông màu đỏ, dài 24,5cm.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa Cơ quan Điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

3. Về án phí:

Bị cáo Võ Đình K phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Nhà tạm giữ CA huyện Nghĩa Hành;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Nghĩa Hành;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Nghĩa Hành;
- VKSND huyện Nghĩa Hành;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hành;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã H;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Chí Ngãi